TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-ST
Ngày 25/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Minh

Ông Lê Đình Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2019/TLST-DS ngày 03/7/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-DS ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2019/QĐST-DS ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tấn Đăng K – Chuyên viên phụ trách xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Ninh Thuận là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018, Quyết định ủy quyền số 400/QĐ-BIDV.NT ngày 26/11/2018).

Địa chỉ: Số 138 đường 21 tháng 8, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Khu phố 5, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị T quan hệ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận theo hợp đồng tín dụng số 9283/2015/HĐTD ngày 22/9/2015, số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 11%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 2.500.000 đồng (trả gốc và lãi).

Ngày 23/11/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận và bà Lê Thị T lập văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 928301/2015/PL thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng tín dụng số 9283/2015/HĐTD ngày 22/9/2015: thời hạn vay từ 36 tháng lên 48 tháng, mức trả cố định hàng tháng từ 2.500.000 đồng xuống 2.000.000đ, việc sửa bổ sung hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký 23/11/2015.

Tính đến ngày 04/7/2018 bà Lê Thị T đã trả được 21.736.579 đồng tiền gốc và 18.263.421 đồng tiền lãi. Từ 05/7/2018 đến nay bà T không thược hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/10/2019 là 57.620.161 đồng, trong đó tiền gốc 48.263.421 đồng, tiền lãi 9.356.740 đồng.

Buộc bà Lê Thị T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 26/10/2019 cho đến khi trả hết vợ vay theo lãi suất đã được ký kết trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 9283/2015/HĐTD ngày 22/9/2015. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 5, phường P, TP. P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bà T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đối chiếu giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng số 9283/2015/HĐTD ngày 22/9/2015, bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) ngày 22/9/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 928301/2015/PL ngày 23/11/2015 thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của bà Lê Thị T. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 22/9/2015 bà Lê Thị T có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Ninh Thuận số tiền vay 70.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, thời hạn vay 36 tháng, sau đó được điều chỉnh lên 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 11%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ: hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng 2.500.000 đồng (trả gốc và lãi), sau đó được điều chỉnh xuống 2.000.000 đồng/tháng. Tính đến ngày 04/7/2018 bà Lê Thị Tđã trả được 21.736.579 đồng tiền gốc và 18.263.421 đồng tiền lãi.

[2.2] Đến hạn trả nợ bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 5 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày 22/9/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận trên số dư nợ gốc quá hạn là phù hợp với Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng dụng 2010. Tính đến ngày 25/10/2019, bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền 57.620.161 đồng, trong đó tiền gốc 48.263.421 đồng, tiền lãi 9.356.740 đồng

[2.3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Thị T vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 57.620.161 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, một trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó tiền gốc 48.263.421 đồng, tiền lãi 9.356.740 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Lê Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

4. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 2.881.000 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền: 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019718 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng